

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 1705/XDHH ngày 17 tháng 05 năm 2023 của Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Hiệp về việc hoàn thiện báo cáo cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bê tông Asphalt Hoàng Hiệp, tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Hiệp, địa chỉ văn phòng tại số 130, Phạm Ngọc Thạch, Tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bê tông Asphalt Hoàng Hiệp, tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam” với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bê tông Asphalt Hoàng Hiệp, tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0700270001. Đăng ký lần đầu ngày 05/01/2009,

đăng ký thay đổi lần 6 ngày 21/05/2018. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700270001

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất bê tông Asphalt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án khoảng: 8.727 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: 170.000 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Hiệp

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Hiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- UBND huyện Thanh Liêm;
- Công ty TNHH XD Hoàng Hiệp (*để thực hiện*);
- TT CNTT TN&MT (*đăng web*);
- Lưu: VT, MT, HS.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Chí Thống**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên.

- Nguồn số 2: Nước thải sau hệ thống đập bụi và xử lý khí thải.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Nguồn số 1: Trong khu vực dự án tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Nguồn số 2: Tuần hoàn, tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

**2.2. Vị trí xả nước thải**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể lọc sinh học được khử trùng bằng Clorin khô dạng viên nén trước khi xả vào bể chứa nước thải bằng ống thoát PVC D90. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ) như sau: X: 2267164, Y: 591272.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất  $1 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .**

**2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.**

**2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.**

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.**

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A,  $k=1,2$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Nhu cầu oxy sinh hóa ( $BOD_5$ )	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	600		
5	Sunfua (tính theo $H_2S$ )	mg/l	1,2		
6	Amoni ( $NH_4^+$ )	mg/l	6		
7	Nitrat ( $NO_3^-$ )	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		

10	Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ )	mg/l	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 1 được thu gom về bể lọc sinh học để xử lý.
- Nguồn số 2 được thu gom về bể lắng để tuần hoàn, tái sử dụng.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt => Bể lọc sinh học => Khử trùng => Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2).

+ Công suất thiết kế: 1 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Hóa chất sử dụng: Clorin viên nén, khối lượng khoảng 4 -5 kg/năm.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý bụi và khí thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý khí thải => Rãnh thoát => Bể chứa dung dịch nước vôi trong => Tuần hoàn, tái sử dụng.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Nước thải sau xử lý tại bể lọc sinh học khu vực nhà điều hành, tọa độ VN 2000 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X: 2267164, Y: 591272.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ quá trình rang, sấy vật liệu tại lò rang.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ )

Dòng khí thải số 1: Ứng với ống khói sau hệ thống xử lý bụi và khí thải của lò rang. Tọa độ vị trí xả khí thải: X : 2267091; Y: 591320.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 34.200 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Các dòng khí thải xả liên tục khi vận hành hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B,  $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$ ), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	216	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2.	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	918		
3.	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	540		
4.	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.080		

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom, xử lý khí thải

Khí thải nguồn số 1 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

Bụi và khí thải => ống thu gom => Cyclone lắng bụi trọng lực => Ống thu gom => Tháp hấp thụ bằng nước vôi trong => Quạt hút => Ống thoát khí thải => Môi trường không khí.

+ Công suất thiết kế: 34.200 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hóa chất sử dụng: CaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải; dự phòng máy móc, thiết bị để thay thế khi hệ thống xử lý khí thải xuống cấp hoặc không có khả năng vận hành.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để theo dõi quá trình vận hành của các hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình vận hành.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, dừng hoạt động sản xuất tại bộ phận có phát sinh khí thải (*được xử lý tại hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố*), đồng thời tìm nguyên nhân để khắc phục. Chỉ đưa bộ phận có phát sinh khí thải vào hoạt động sau khi đã khắc phục xong sự cố.

- Trường hợp khí thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, xác định nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý bụi, khí thải

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định, tọa độ: X: 2267091, Y: 591320.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH xây dựng Hoàng Hiệp có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì



phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.5. Công ty TNHH xây dựng Hoàng Hiệp chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn số 1: Hoạt động của trạm trộn bê tông nhựa nóng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>)**

Tại khu vực đặt trạm trộn bê tông nhựa nóng, tọa độ X(m): 2276095, Y(m): 591322.

**3. Tiếng ồn, độ rung** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng  
năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

<b>STT</b>	<b>Tên CTNH</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1.	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	01
2.	Dầu động cơ hộp số thải	170203	50
3.	Giẻ lau dính dầu, mỡ	180201	50
4.	Các loại dầu thủy lực thải	170107	50
5.	Ắc quy chì thải	190601	40
6.	Vỏ phuy sắt đựng dầu thải	180102	200
7.	Vỏ can nhựa dính dầu mỡ	180103	100
8.	Hộp mực in thải	080204	01
9.	Các loại sập và mỡ thải	170704	5
<b>Tổng</b>			<b>497</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 400 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bùn thải tại bể chứa dung dịch nước vôi trong: 6 m<sup>3</sup>/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: tại các thùng phuy.

- Kho lưu chứa: là Công ten nơ kết cấu thép, diện tích 14,7 m<sup>2</sup>.

2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: 02 thùng rác có nắp đậy dung tích 50 lít tại khu vực bếp ăn, nhà điều hành, nhà nghỉ ca công nhân.

2.3. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Công ty TNHH Hoàng Hiệp phải hợp đồng với đơn vị có năng lực đến thu gom, xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng  
năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.